TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bền
2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 787/2022/TB-TLVA ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q**, sinh năm 1983
Địa chỉ: tổ 2, ấp T, xã TND, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Chị Võ Thị H**, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp T2, xã LD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(anh Q có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 26 tháng 7 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q trình bày:

Anh và chị Võ Thị H cưới nhau và chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LD huyện CT tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2007. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xảy ra bất hòa, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó. Năm 2019, chị H dẫn các con về nhà cha mẹ ruột chị H ở luôn cho đến nay. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung, anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Võ Hoài B, sinh ngày 26/4/2009 và Nguyễn Võ Đại Ph, sinh ngày 28/01/2013. Hiện các con đang sống cùng với chị H. Anh yêu cầu giao hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Q thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu.

* Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2022, bị đơn chị Võ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Võ Hoài B, sinh ngày 26/4/2009 và Nguyễn Võ Đại Ph, sinh ngày 28/01/2013, không có tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột chị ở và đã sống ly thân với anh Q từ đó đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Q. Về con chung, chị đồng ý nuôi con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q và chị Võ Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LD huyện CT tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2007 ngày 11/4/2007. Như vậy, anh Q và chị H có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q và chị Võ Thị H là hợp pháp.

[2.1.2] Anh Q yêu cầu ly hôn với chị H vì cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 nguyên nhân do anh Q và chị H không hợp tính tình và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, giữa anh Q và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q và chị Võ Thị H chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Võ Hoài B, sinh ngày 26/4/2009 và Nguyễn Võ Đại Ph, sinh ngày 28/01/2013. Hiện các cháu đang được chị H nuôi dưỡng. Anh Q và chị H thống nhất giao cháu B và cháu Ph cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, trong thời gian anh Q và chị H sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về mọi mặt cho các con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu B, cháu Ph và có xét đến nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q giao cháu B và cháu Ph cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đồng ý mức cấp dưỡng nuôi cháu B, cháu Ph mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu của anh Q. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B, cháu Ph mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 110, 116 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q được ly hôn với chị Võ Thị H.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Võ Hoài B, sinh ngày 26/4/2009 và Nguyễn Võ Đại Ph, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi cháu, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Võ Hoài B, cháu Nguyễn Võ Đại Ph thành niên. Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Võ Thị H có yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Hồ Văn Minh Q đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021153 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc